



guī shǔ gǎn
归属感

noun · sense of belonging

Example Sentences

Zài zhè ge tuán duì lǐ wǒ hěn yǒu guī shǔ gǎn
在这个团队里，我很有归属感。

I have a strong sense of belonging in this team.

xīn xué xiào ràng tā zhǎo dào le guī shǔ gǎn
新学校让他找到了归属感。

The new school helped him find a sense of belonging.

Trace each character, then write the word on your own.

归	归	归	归	归	归	归	归				
属	属	属	属	属	属	属	属	属	属	属	属
属	属	属	属								
感	感	感	感	感	感	感	感	感	感	感	感
感	感	感	感	感							